



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Helio Energy

Ngày 30/06/2025	7,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.9%	-	-

DT thuần Q2/25
30.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.80 6.3%
YoY: ▼ 2.00 -6.0%

LN thuần Q2/25
7.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.10 71.7%
YoY: ▼ 1.62 -17.9%

LN sau thuế Q2/25
6.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.77 73.8%
YoY: ▼ 2.06 -23.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
38.2%
YoY: +/- ▲ 8.7%

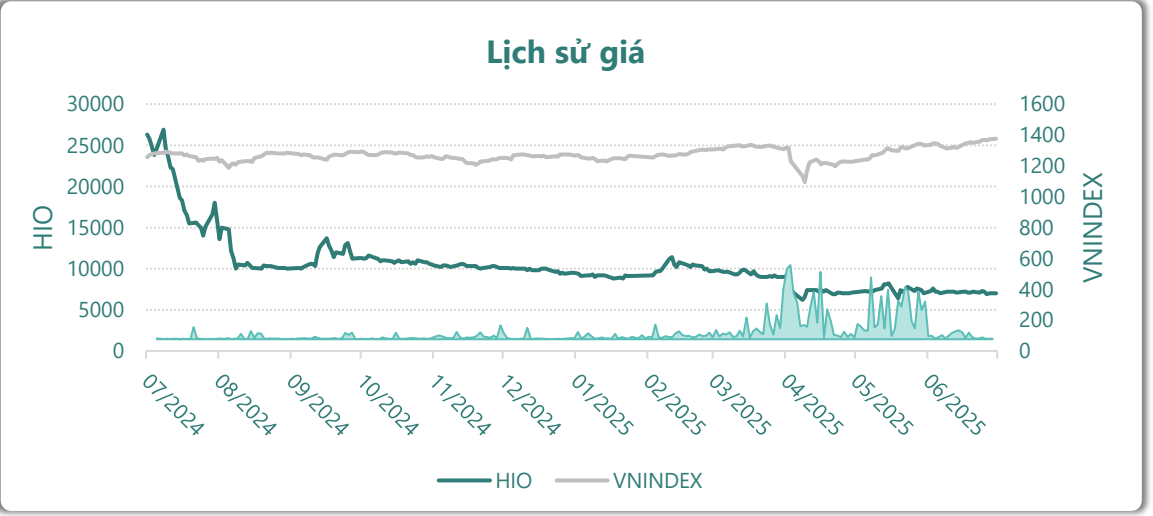
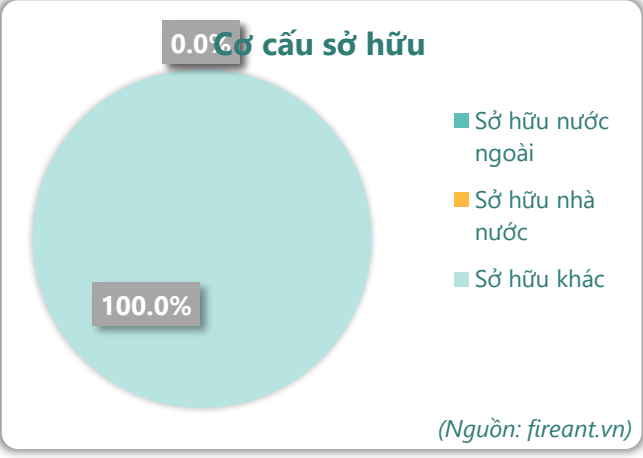
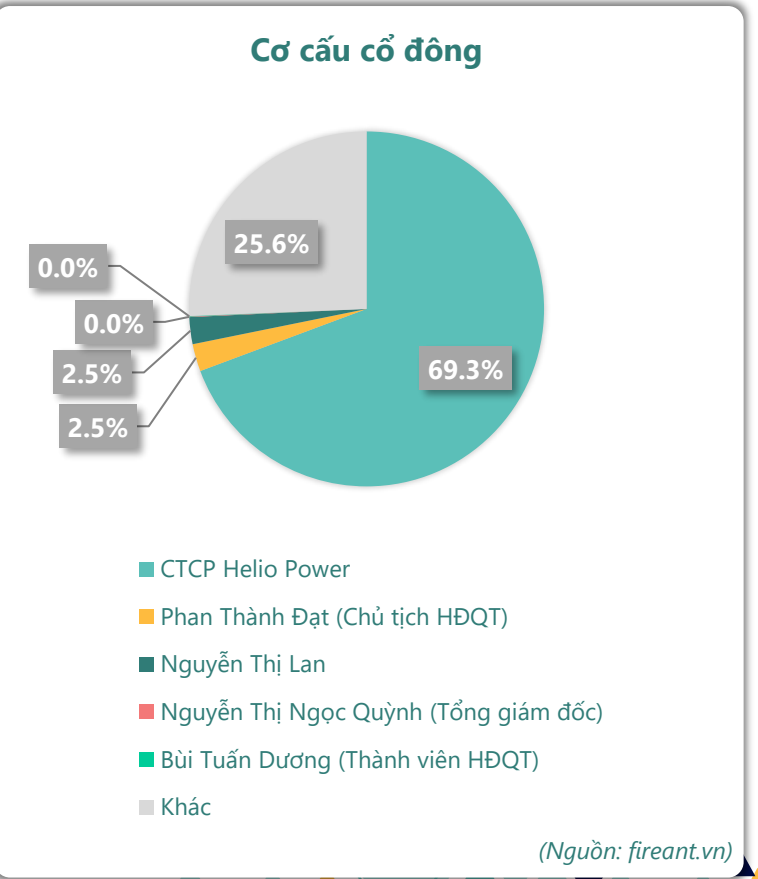
ROE (TTM) Q2/25
6.0%
YoY: +/- ▼ 1.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,200 - 26,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	147
Số lượng CPLH (CP)	21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,035
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.31
EPS	726
P/E	9.6

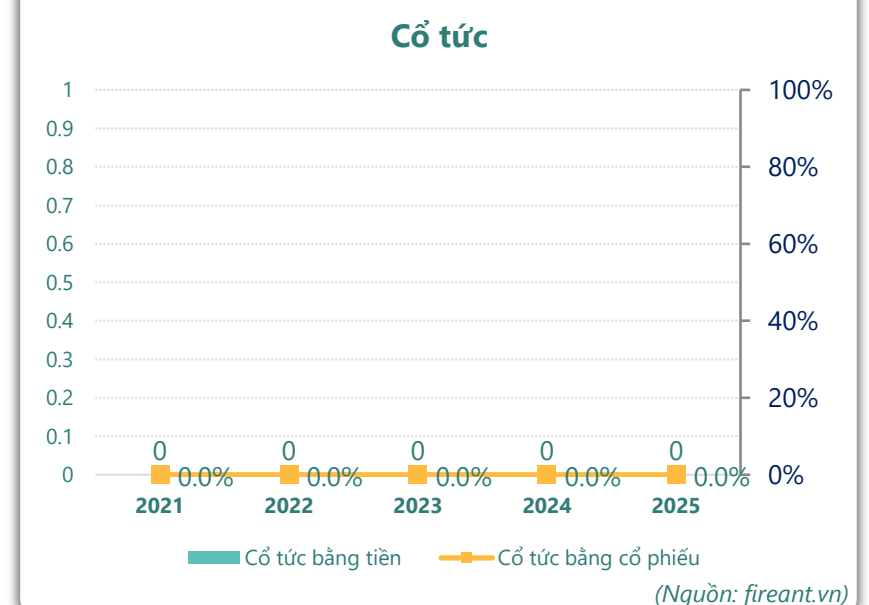
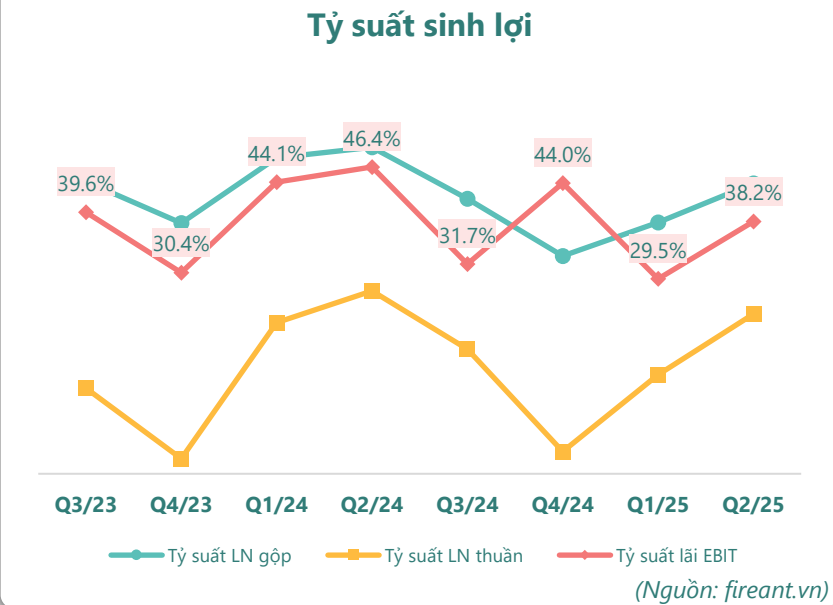
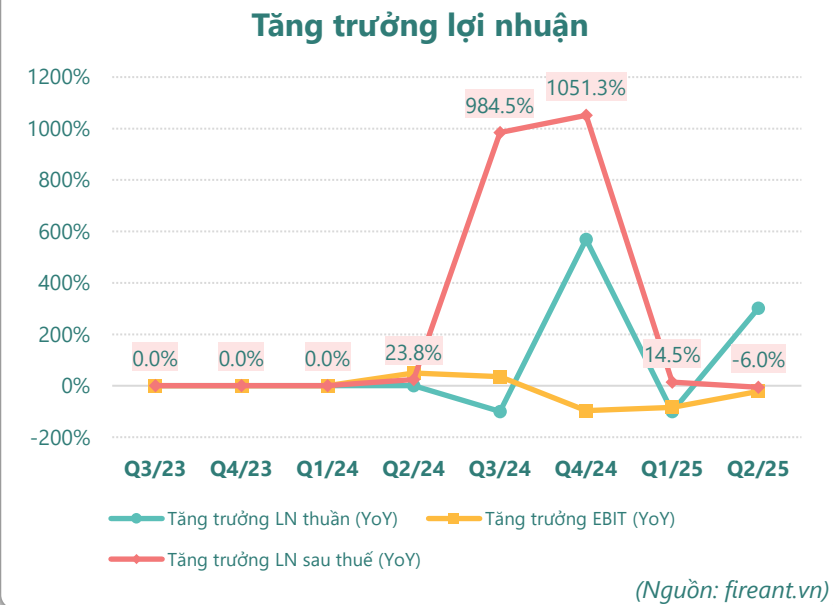
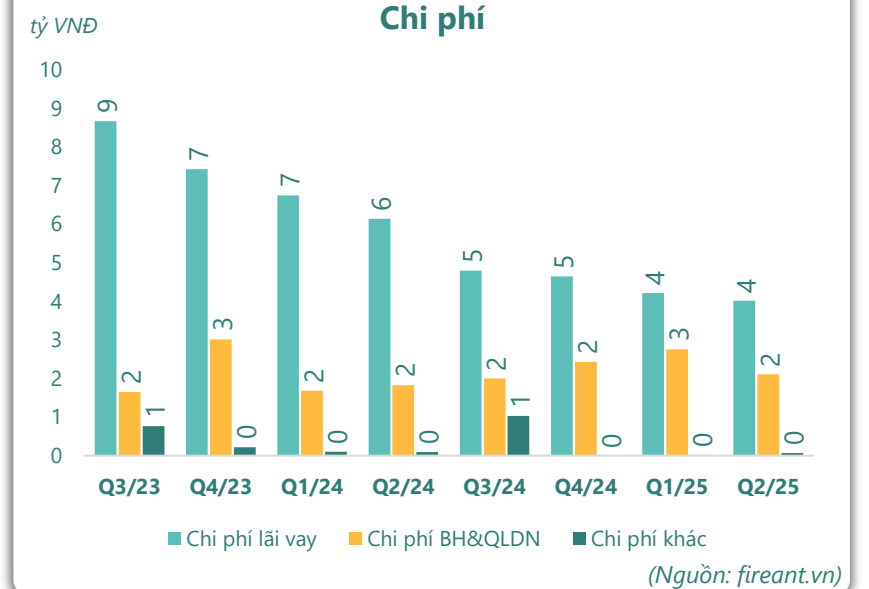
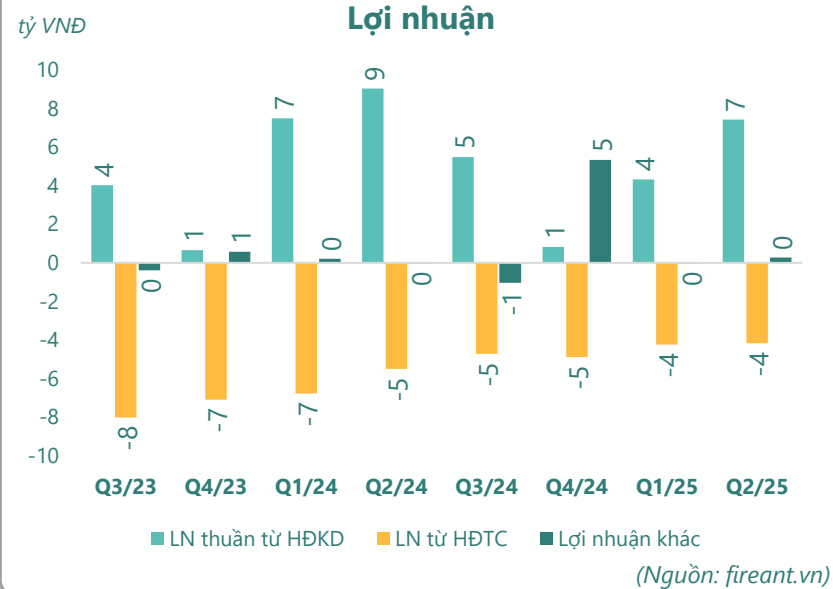
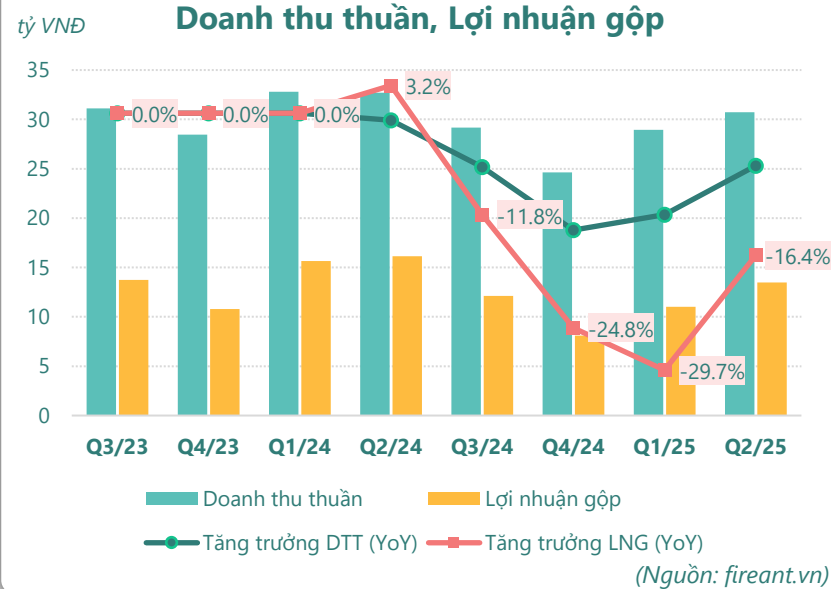
DT thuần 6T 2025
59.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 5.80 -8.9%

LN thuần 6T 2025
11.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 4.70 -28.9%

LN sau thuế 6T 2025
10.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 5.80 -36.1%



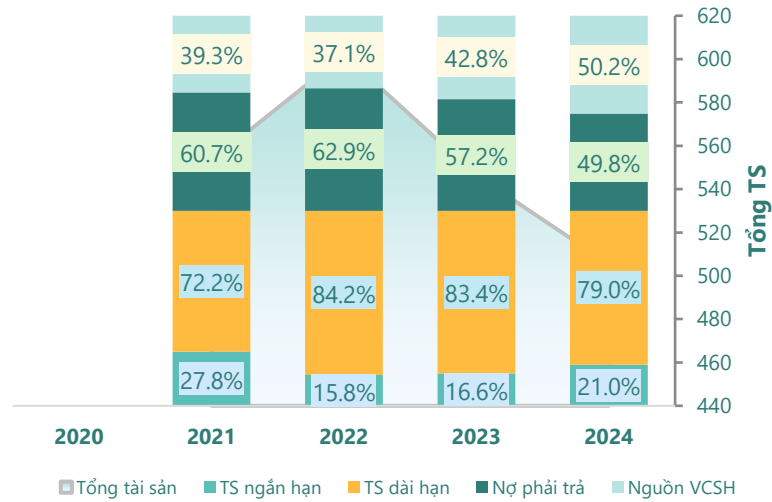
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

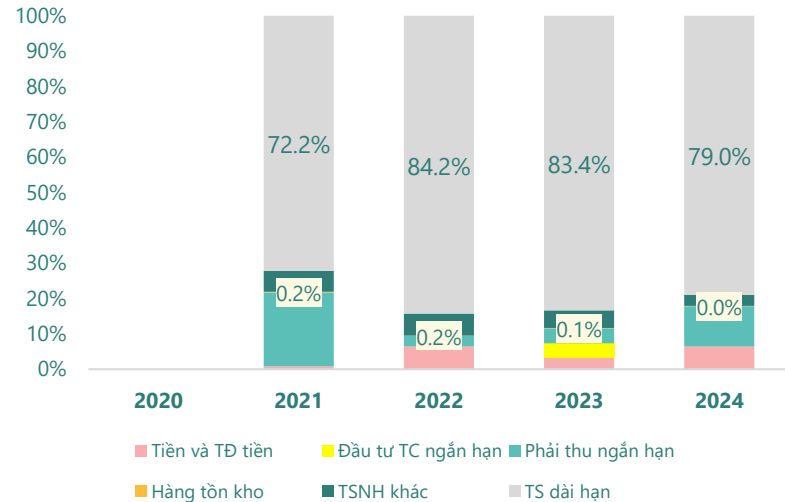
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

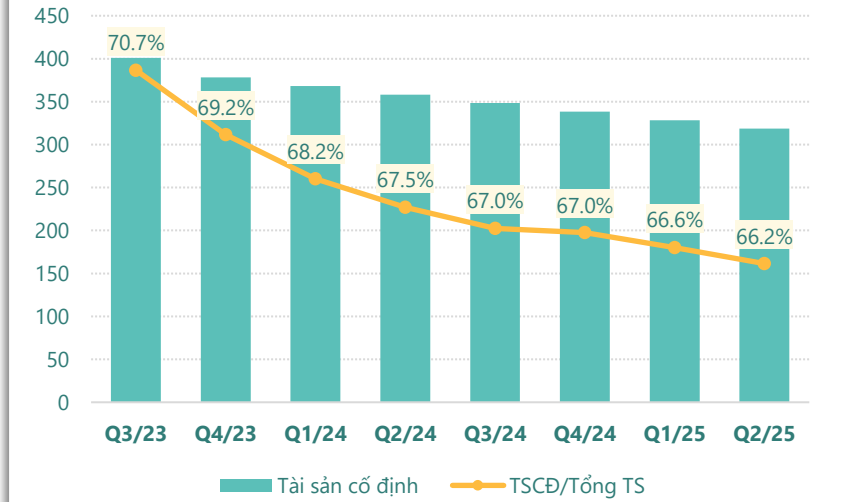
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

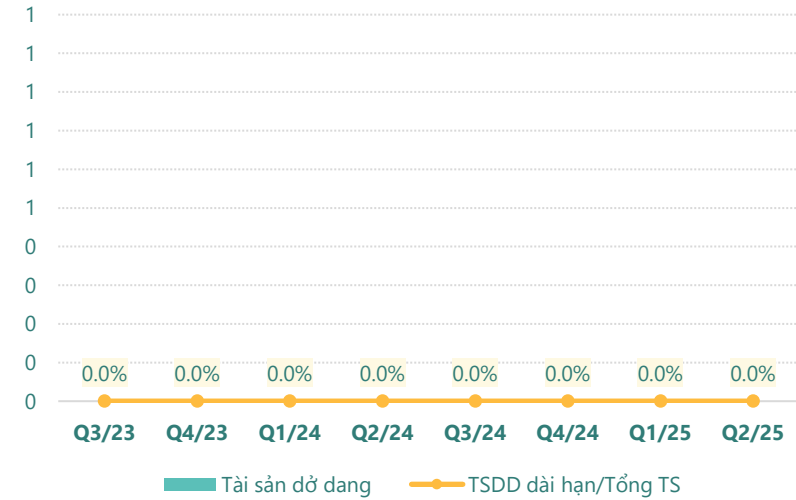
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

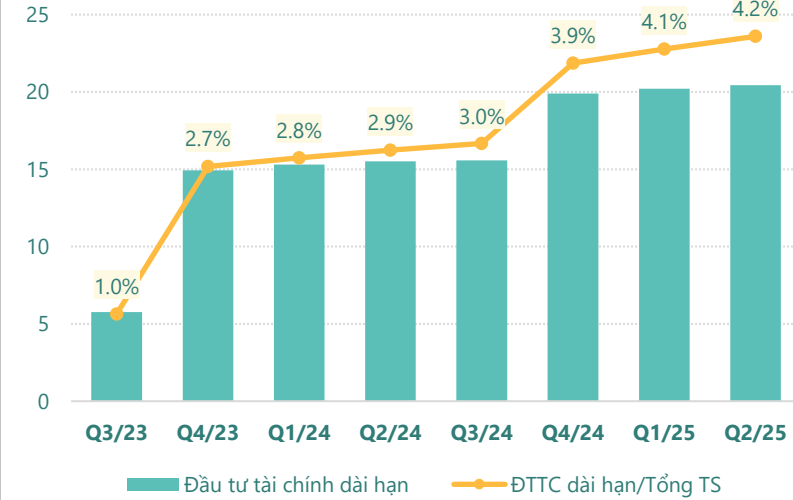
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

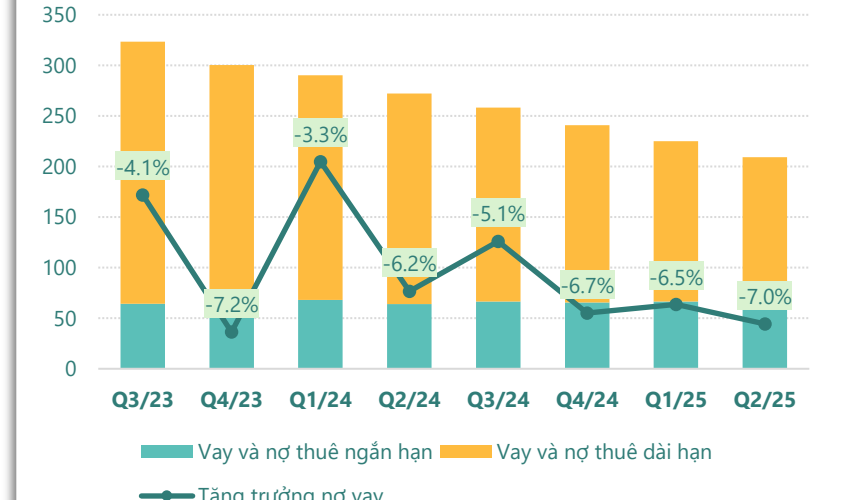
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

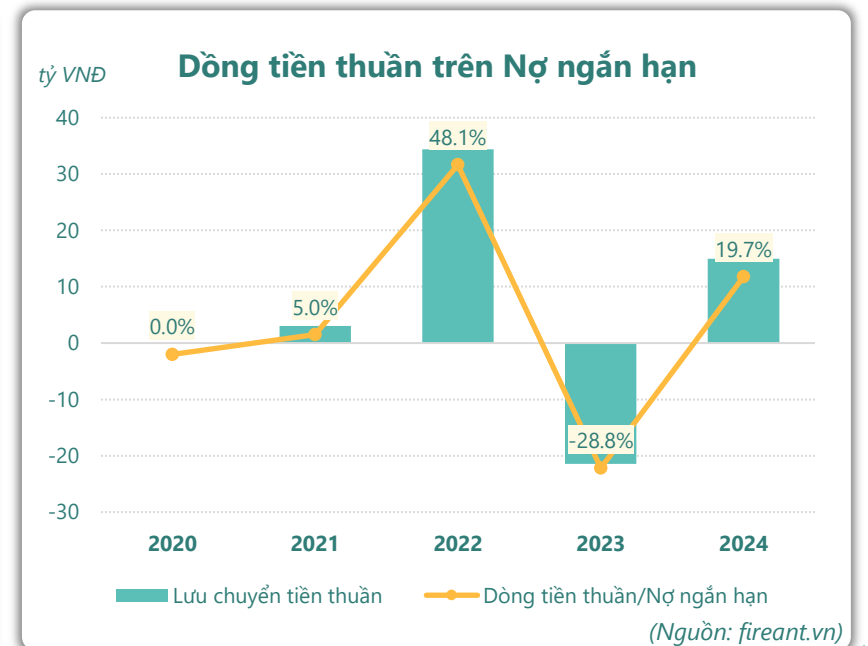
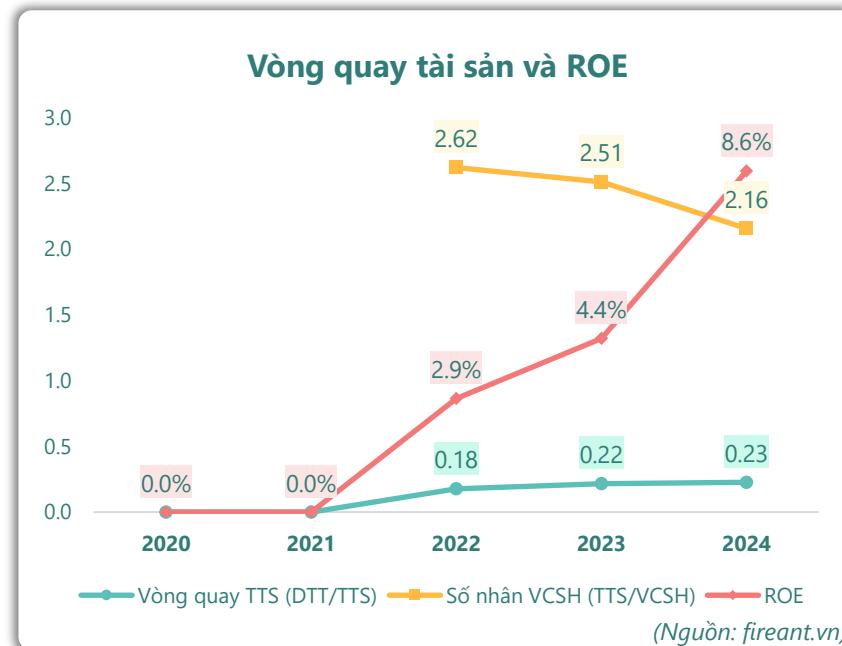
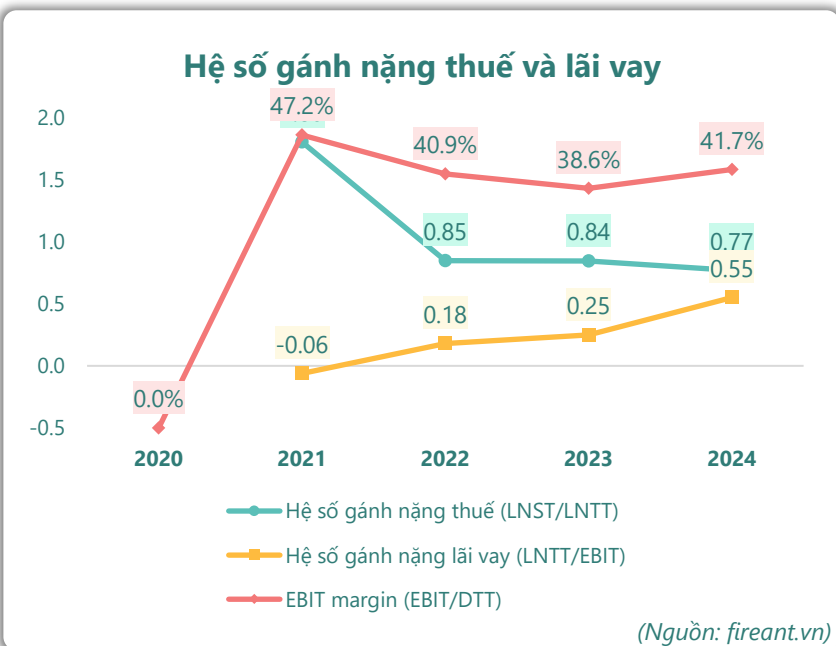
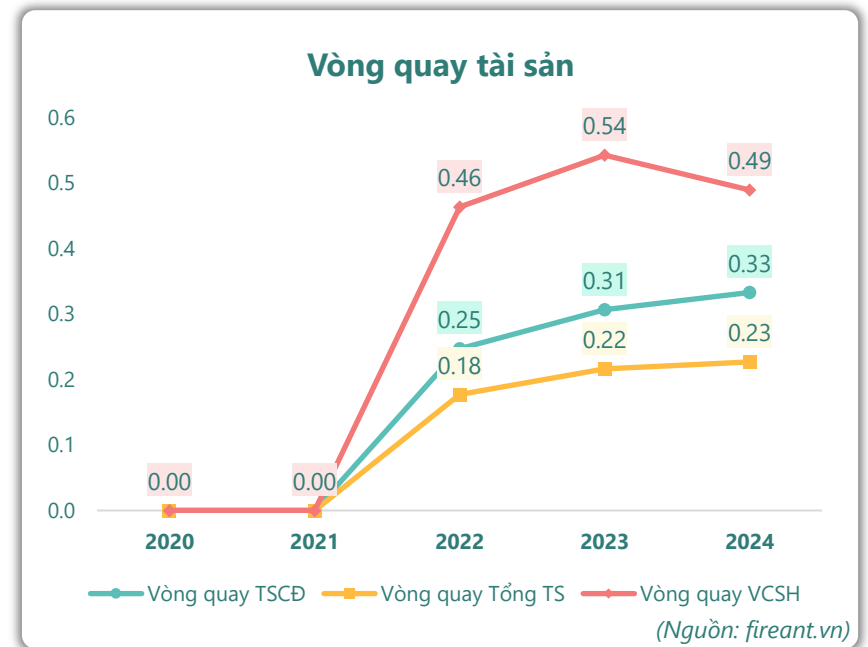
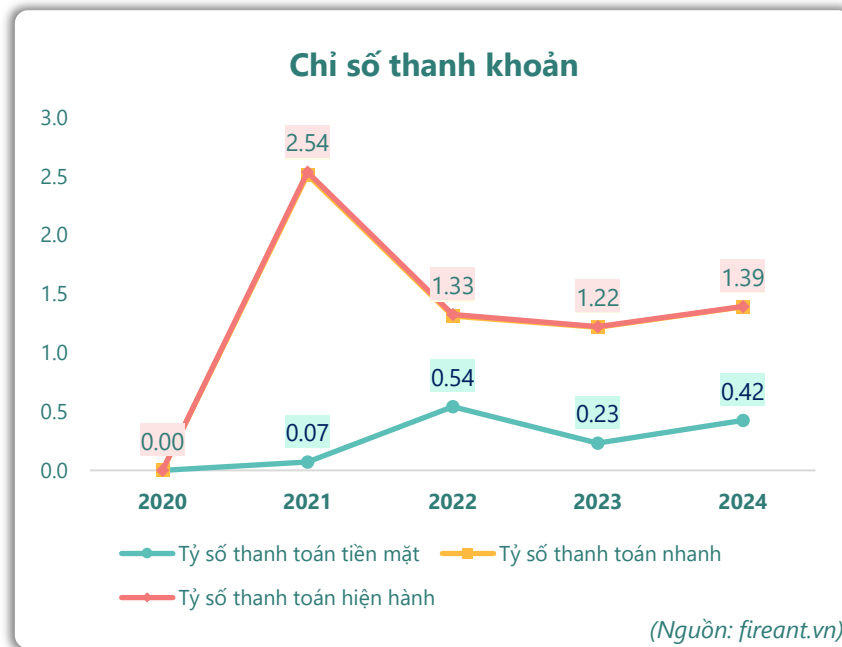
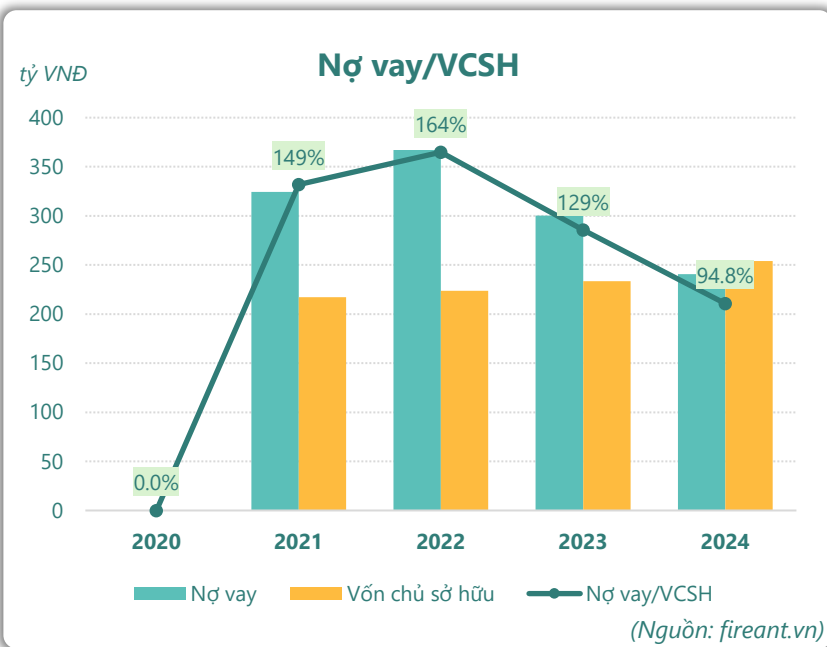
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	30.7	32.7	-6.0%	59.7	65.5	-8.9%
Giá vốn hàng bán	17.2	16.6	3.8%	35.2	33.7	4.4%
Lợi nhuận gộp	13.5	16.2	-16.7%	24.5	31.8	-23.0%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.79	-99.2%	0.02	0.80	-98.1%
Chi phí TC	4.18	6.29	-33.6%	8.42	13.1	-35.5%
Chi phí lãi vay	4.02	6.14	-34.6%	8.23	12.9	-36.2%
LN trong công ty LKLD	0.21	0.21	1.6%	0.53	0.50	5.8%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.11	1.82	15.8%	4.86	3.51	38.7%
LN thuần từ HĐKD	7.43	9.05	-17.9%	11.8	16.5	-28.9%
Lợi nhuận khác	0.27	-0.01	2844%	0.26	0.21	25.8%
LN trước thuế	7.71	9.04	-14.7%	12.0	16.8	-28.2%
Lợi nhuận sau thuế	6.53	8.59	-23.9%	10.3	16.1	-36.1%
LNST của CĐ cty mẹ	6.53	8.59	-23.9%	10.3	16.1	-36.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.5	20.9	7.66	0.31	5.77	-5.24
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-1.41	25.1	2.35	0.01	25.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.96	-18.1	-13.9	-17.4	-15.8	-15.7
Tiền đầu kỳ	17.3	26.8	28.2	47.0	32.3	22.3
Lưu chuyển tiền thuần	9.51	1.38	18.8	-14.7	-9.99	4.29
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.8	28.2	47.0	32.3	22.3	26.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	481	505	-4.8%
Tài sản ngắn hạn	90.9	106	-14.2%
Tiền và tương đương tiền	26.6	32.3	-17.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	50.1	58.1	-13.8%
Hàng tồn kho	0.03	0.15	-79.6%
Tài sản ngắn hạn khác	14.2	15.5	-8.2%
Tài sản dài hạn	390	399	-2.4%
Phải thu dài hạn	11.1	8.09	36.6%
Tài sản cố định	319	338	-5.9%
Bất động sản đầu tư	25.0	26.1	-4.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	20.4	19.9	2.7%
Tài sản dài hạn khác	13.1	4.73	176%
Lợi thế thương mại	2.05	2.20	-6.7%
Nợ phải trả	218	252	-13.2%
Nợ ngắn hạn	76.5	76.1	0.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.4	65.6	2.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.58	1.47	144%
Nợ dài hạn	142	175	-19.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	142	175	-19.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	262	254	3.4%
Vốn chủ sở hữu	262	254	3.4%
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

